TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PH** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số:25/2024/HNGĐ-ST Ngày: 05 - 3 - 2024 V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Phục;
2. Ông Huỳnh Mẫn Xuyên.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 582/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HN, ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Văn P**, sinh năm 1983

Địa chỉ: 505D, ấp M, xã K, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Lê Văn P (Sau đây gọi anh P) trình bày:

Giữa anh và bị đơn Nguyễn Thị C (Sau đây gọi chị C) qua tìm hiểu nhau, tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không hợp nhau, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm

2023 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với chị C.

-Về con chung: Không có con chung.

-Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Thị C có lời trình bày: Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, anh chị chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì không có con chung. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị cũng đồng ý ly hôn.

-Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị C tự nguyện tiến tới đời sống chung như vợ chồng vào năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh P: Trong thời gian chung sống giữa anh và chị C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhưng không có biện pháp để hòa giải đoàn tụ mà đã chọn cách sống ly thân, xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện để anh, chị được đoàn tụ và tiến tới đăng ký kết hôn theo quy định nhưng cả anh P và chị C đều xác định là sống chung không hạnh phúc và đều đồng ý ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do hôn nhân giữa anh, chị không đăng ký kết hôn nên khi có yêu cầu ly hôn; Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình: Không công nhận anh, chị là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Không có con chung

[5] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 14, 53, 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê văn P và chị Nguyễn Thị C.

2. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Lê văn P phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tà án số 0006120, ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
-UBND xã T, h.PH; t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.